

# Báo cáo thị trường tiền tệ

## NHNN đẩy mạnh bơm ròng qua hợp đồng mua kỳ hạn

### NHNN đẩy mạnh bơm ròng thanh khoản

Trong tuần 22 năm 2026 (từ ngày 25 đến 29 tháng 5), NHNN đã chủ động đẩy mạnh lập trường hỗ trợ khi ghi nhận mức bơm ròng thanh khoản đáng kể vào hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN đã phát hành 129.48 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới, trong khi có 98.75 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng thanh khoản đạt 30.73 nghìn tỷ đồng vào hệ thống.

### Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận mức tăng ở hầu hết các kỳ hạn, trong đó mức tăng tập trung chủ yếu ở phần đầu của đường cong lãi suất, đi kèm với sự gia tăng đáng kể của hoạt động giao dịch. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn bao gồm qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng tăng lần lượt 43 đcb, 33 đcb, 33 đcb và 27 đcb lên mức tương ứng là 7.03%, 7.23%, 7.23% và 7.17%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 6 tháng giảm 15 đcb xuống còn 7.75%, trong khi lãi suất kỳ hạn 3 tháng duy trì không đổi so với tuần trước. Giá trị giao dịch bình quân tăng 10.23% so với tuần trước lên mức 898.14 nghìn tỷ đồng, phản ánh nhu cầu thanh khoản dâng cao của các ngân hàng thương mại.

### Tỷ giá USDEVND giảm nhẹ

Trong tuần này, tỷ giá USDEVND dịch chuyển giảm nhẹ khi đồng bạc xanh suy yếu, do chịu tác động từ sự lạc quan của thị trường trước tiến trình ngoại giao nhằm gia hạn lệnh ngừng bắn giữa Hoa Kỳ và Iran. Mặc dù đà giảm của đồng USD toàn cầu phần nào được kim hãm bởi dữ liệu lạm phát ổn định của Mỹ, tỷ giá trong nước vẫn giảm đồng điệu với xu hướng hạ nhiệt của đồng USD thế giới.

### Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T11-25	T12-25	T1-26	T2-26	T3-26	T4-26	Corr.
FDI %n/n	9.5	9.5	11.3	1.5	2.2	1.9	-0.16
Tổng mức bán lẻ %n/n	7.7	7.8	7.7	11.9	11.5	12.1	-0.16
Xuất khẩu %n/n	15.1	23.8	29.7	5.7	20.1	21.0	-0.05
Nhập khẩu %n/n	16.0	27.7	49.2	4.4	27.8	32.5	0.04
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	1.1	-0.7	-1.8	-1.0	-0.7	-3.3	-0.03
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.5	0.2	0.1	1.1	1.2	0.8	-0.03
Tín dụng %n/n	20.2	19.1	20.5	20.2	15.9	#NA	-0.23
USDEVND %t/t	0.2	-0.6	-1.0	0.3	1.2	0.0	-0.3
PMI(Điểm)	53.8	53.0	52.5	54.3	51.2	50.5	-0.09
VNINDEX %t/t	3.1	5.5	2.5	2.8	-10.9	10.7	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

<sup>1</sup> Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;  
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

### Nội dung

I. NHNN đẩy mạnh bơm ròng thanh khoản.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt.....	3
III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn.....	4
IV. Tỷ giá USDEVND giảm nhẹ.....	7
Thống kê vĩ mô.....	10

**Research Dept.**

researchdept@kisvn.vn

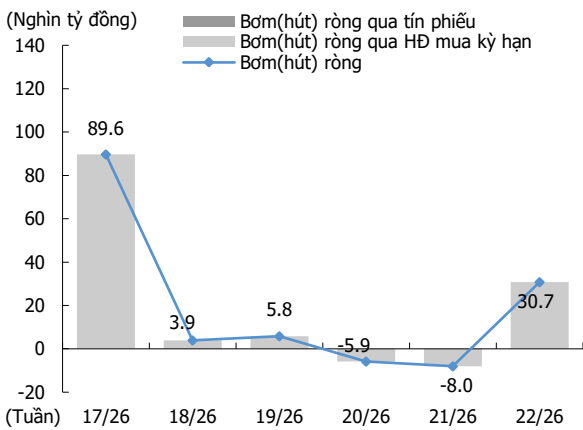
# I. NHNN đẩy mạnh bơm ròng thanh khoản

## NHNN phát hành hợp đồng mua kỳ hạn nhằm giảm bớt áp lực thanh khoản hệ thống

Trong tuần 22 năm 2026 (từ ngày 25 đến 29 tháng 5), NHNN đã chủ động đẩy mạnh lập trường hỗ trợ khi ghi nhận mức bơm ròng thanh khoản đáng kể vào hệ thống ngân hàng. Cụ thể, NHNN đã phát hành 129.48 nghìn tỷ đồng thông qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới, trong khi có 98.75 nghìn tỷ đồng đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng thanh khoản đạt 30.73 nghìn tỷ đồng vào hệ thống.

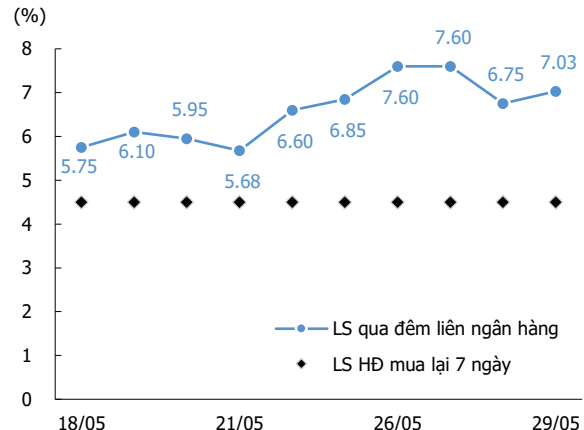
Động thái cung ứng thanh khoản quyết liệt này làm nổi bật cam kết của Ngân hàng Trung ương trong việc ổn định thị trường liên ngân hàng trước bối cảnh nhu cầu huy động vốn tăng đột biến. Bằng cách bơm một lượng thanh khoản lớn qua kênh OMO, NHNN nhằm mục đích hạn chế đà tăng của chi phí vay vốn ngắn hạn và đảm bảo các hoạt động của hệ thống diễn ra thông suốt. Trong những tuần tới, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì cách tiếp cận linh hoạt trong điều tiết thanh khoản, giữ cho các điều kiện thị trường cân bằng trước đà tăng trưởng của nhu cầu tín dụng.

**Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 2. Hành lang lãi suất**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày**

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
25/05/26	1/06/26	7	10.55	4.50
26/05/26	2/06/26	7	20.65	4.50
27/05/26	3/06/26	7	6.00	4.50
28/05/26	4/06/26	7	10.00	4.50
29/05/26	5/06/26	7	10.00	4.50
<b>Tổng</b>		<b>7</b>	<b>57.20</b>	

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 35 ngày**

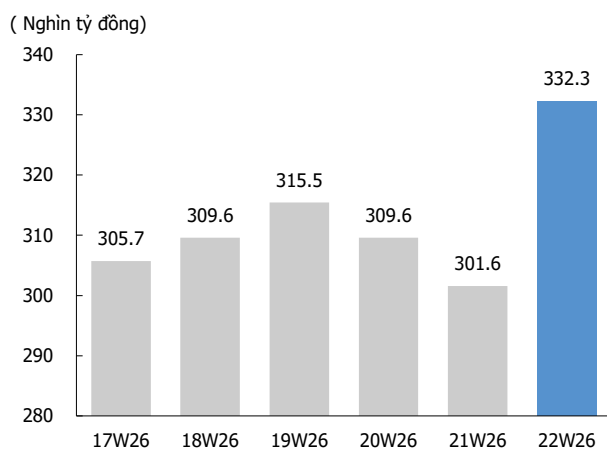
Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
25/05/26	29/06/26	35	10.00	4.50
26/05/26	30/06/26	35	10.00	4.50
27/05/26	1/07/26	35	13.00	4.50
28/05/26	2/07/26	35	5.51	4.50
29/05/26	3/07/26	35	4.02	4.50
<b>Tổng</b>		<b>35</b>	<b>42.53</b>	

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 56 ngày**

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
25/05/26	20/07/26	56	4.00	4.50
26/05/26	21/07/26	56	7.00	4.50
27/05/26	22/07/26	56	14.00	4.50
28/05/26	23/07/26	56	3.65	4.50
29/05/26	24/07/26	56	1.10	4.50
<b>Tổng</b>		<b>56</b>	<b>29.75</b>	

Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành**

Nguồn: NHNN, KIS

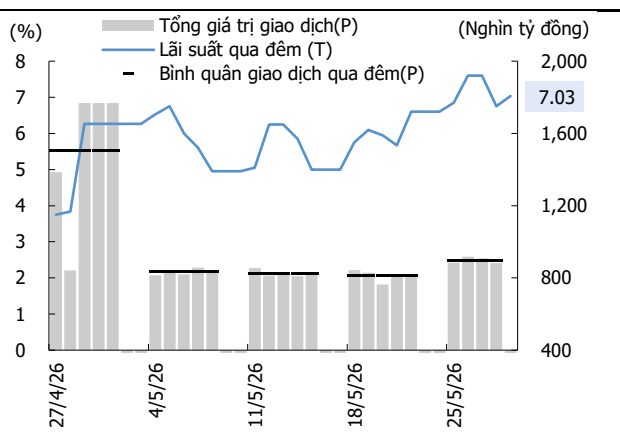
## II. Lãi suất liên ngân hàng tăng vọt

**Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn ngắn nhẩy vọt đi kèm với sự mở rộng của giá trị giao dịch**

Trong tuần này, lãi suất liên ngân hàng ghi nhận mức tăng ở hầu hết các kỳ hạn, trong đó mức tăng tập trung chủ yếu ở phần đầu của đường cong lãi suất, đi kèm với sự gia tăng đáng kể của hoạt động giao dịch. Cụ thể, lãi suất các kỳ hạn bao gồm qua đêm, 1 tuần, 2 tuần và 1 tháng tăng lần lượt 43 đcb, 33 đcb, 33 đcb và 27 đcb lên mức tương ứng là 7.03%, 7.23%, 7.23% và 7.17%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 6 tháng giảm 15 đcb xuống còn 7.75%, trong khi lãi suất kỳ hạn 3 tháng duy trì không đổi so với tuần trước. Giá trị giao dịch bình quân tăng 10.23% so với tuần trước lên mức 898.14 nghìn tỷ đồng, phản ánh nhu cầu thanh khoản dâng cao của các ngân hàng thương mại.

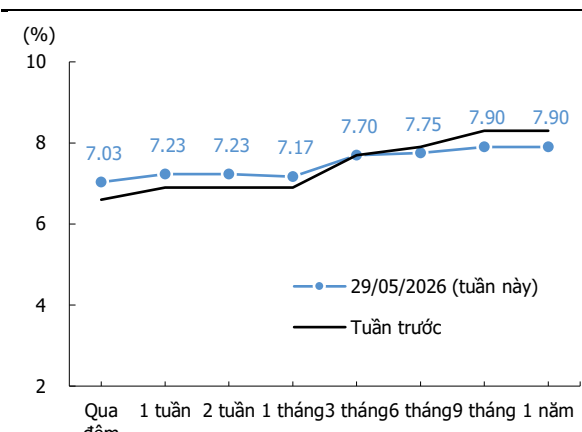
Những diễn biến này cho thấy nhu cầu vốn ngắn hạn đã gia tăng mạnh mẽ trong tuần, đẩy lãi suất thị trường tiền tệ lên cao bất chấp động thái bơm ròng mạnh mẽ qua kênh repo của NHNN. Sự ổn định của lãi suất kỳ hạn trung hạn và đà giảm ở các kỳ hạn dài hơn cho thấy tình trạng thắt chặt thanh khoản đang tập trung áp lực lớn tại các kỳ hạn ngắn hạn trực tiếp. Với các biện pháp hỗ trợ và phản ứng kịp thời về thanh khoản của NHNN, lãi suất liên ngân hàng dự kiến sẽ ổn định trở lại một khi các áp lực nhu cầu ngắn hạn này hạ nhiệt.

**Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng**



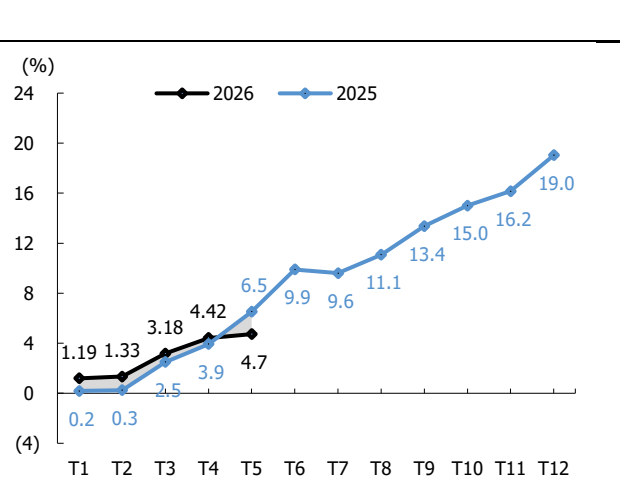
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

**Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng**



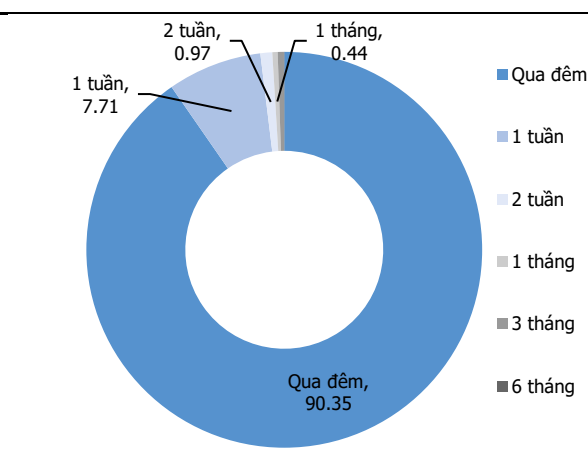
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

**Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng**



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN  
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 18/05/2026

**Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc**



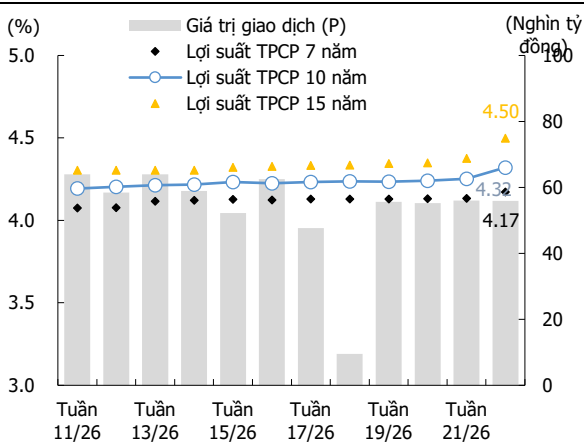
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

### III. Lợi suất TPCP tăng ở tất cả các kỳ hạn

**Đường cong lợi suất TPCP dịch chuyển lên trên khi lợi suất ghi nhận mức tăng trên diện rộng**

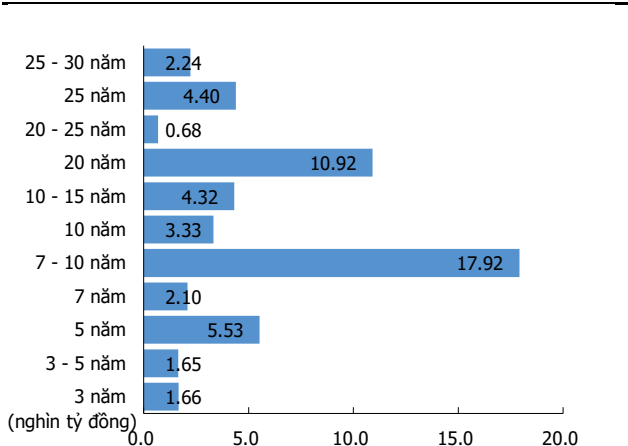
Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP ghi nhận mức tăng ở tất cả các kỳ hạn. Cụ thể, lợi suất các kỳ hạn ngắn đến trung hạn, bao gồm 1 năm, 2 năm, 3 năm, 4 năm và 5 năm tăng lần lượt 2 đcb, 3 đcb, 2 đcb, 4 đcb và 6 đcb lên mức tương ứng là 3.29%, 3.40%, 3.47%, 3.80% và 4.12%. Thêm vào đó, lợi suất các kỳ hạn dài cũng chịu áp lực tăng, với các kỳ hạn 7 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm và 30 năm tăng lần lượt 4 đcb, 7 đcb, 12 đcb, 6 đcb và 6 đcb lên mức tương ứng là 4.17%, 4.32%, 4.50%, 4.48% và 4.55%. Trong khi đó, tổng giá trị giao dịch gần như không đổi so với tuần trước, giảm nhẹ 0.10% xuống còn 55.91 nghìn tỷ đồng, đạt bình quân 18.64 nghìn tỷ đồng mỗi phiên.

**Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần**



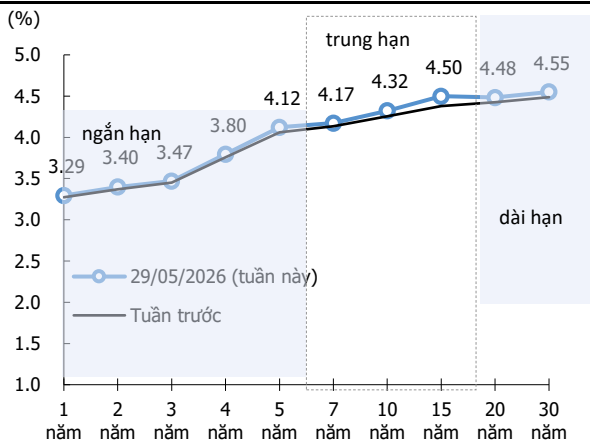
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn**



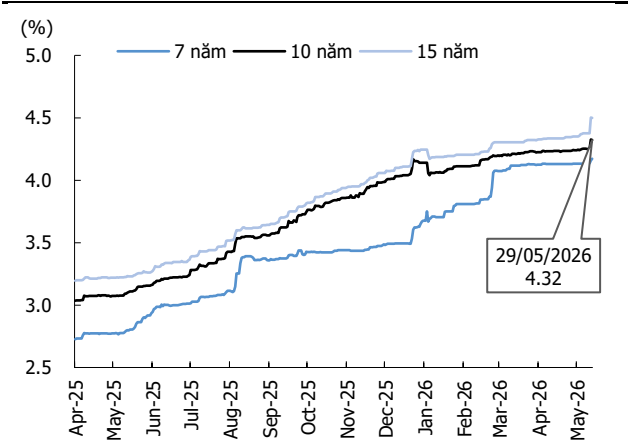
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 13: Đường cong lợi suất TPCP**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

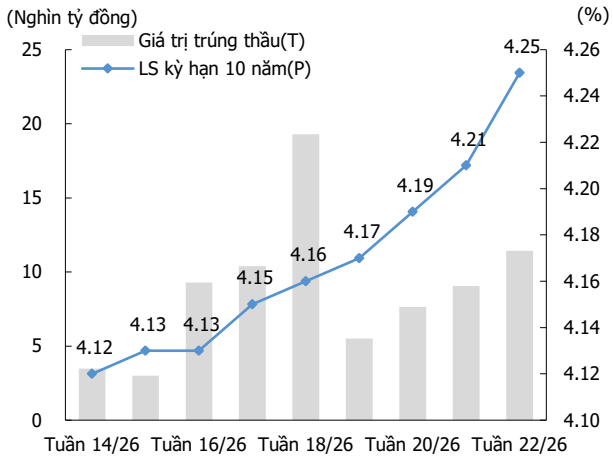
**Hình 14: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

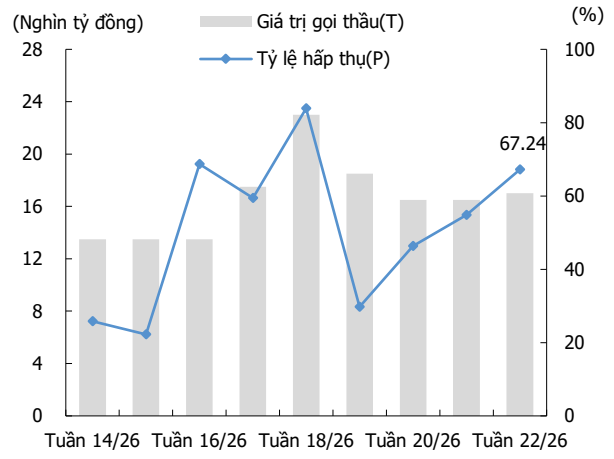
Trên thị trường sơ cấp, hoạt động phát hành tiếp tục mở rộng khi KBNN phát hành thành công 11.43 nghìn tỷ đồng trong tuần này, tăng 26.30% so với tuần trước. Trong khi đó, lợi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tăng thêm 4 đcb lên mức 4.25%. Tính đến hiện tại, KBNN đã hoàn thành 36.2% kế hoạch phát hành của năm 2026, tốc độ này nhanh hơn một chút so với mức 34.18% ghi nhận cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần**



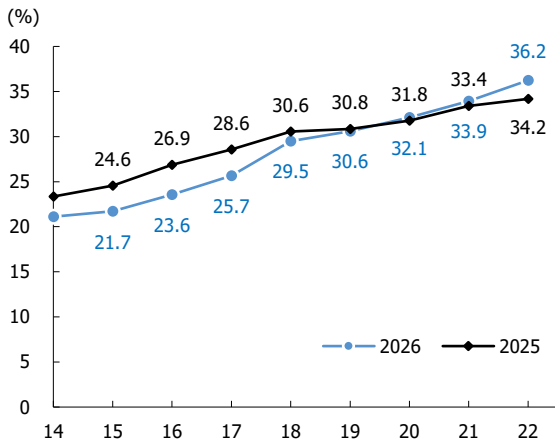
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần**



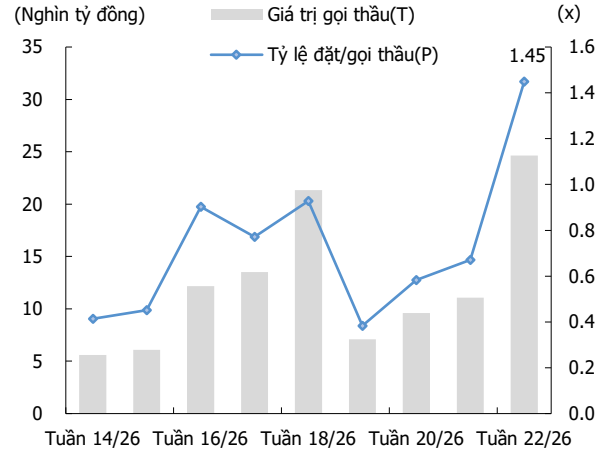
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm**



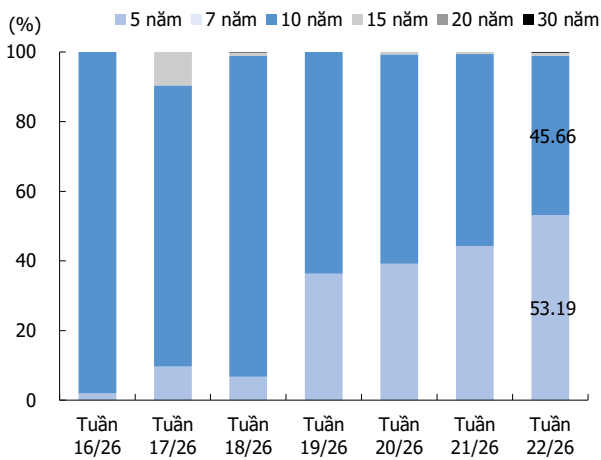
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần**



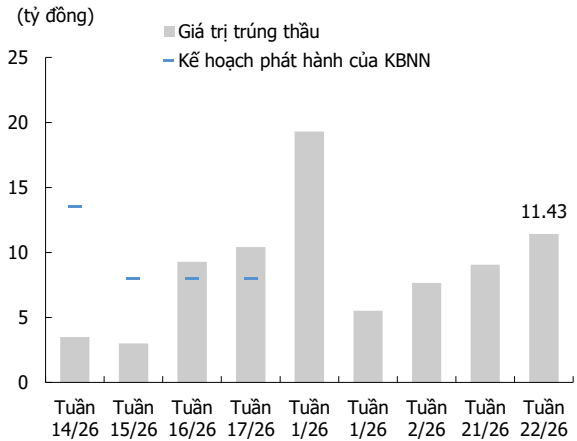
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần**



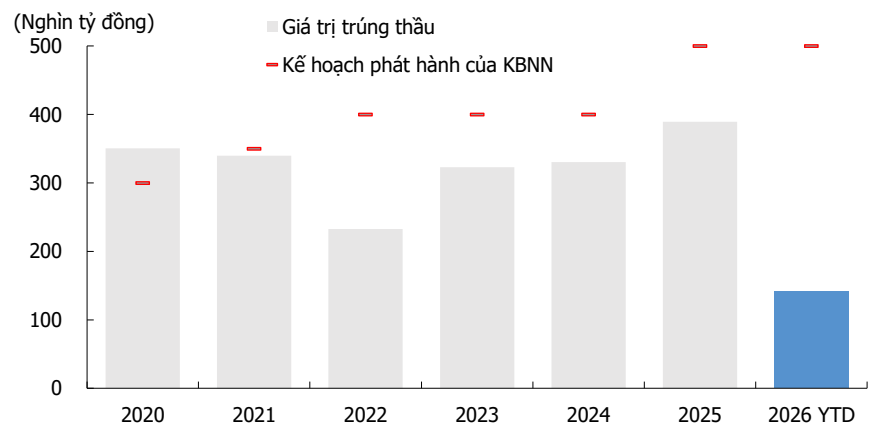
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng tuần**



Nguồn: HNX, KIS

**Hình 21. Lượng TPCP phát hành hàng năm**



Nguồn: HNX, KIS

## IV. Tỷ giá USDVND giảm nhẹ

**USDVND hạ nhiệt khi đồng bạc xanh mất đà tăng trưởng trong bối cảnh tiến trình gia hạn lệnh ngừng bắn có bước tiến mới**

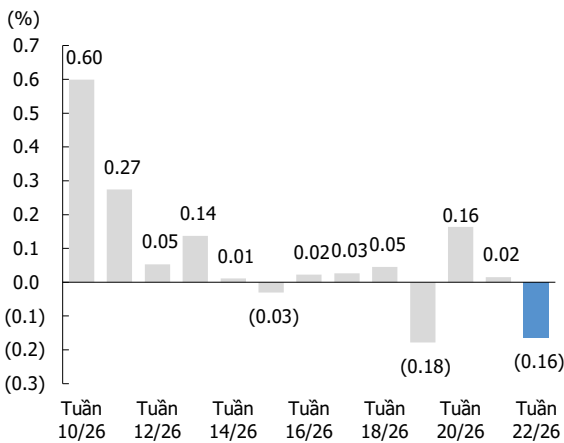
Trong tuần 22 năm 2026, tỷ giá USDVND dịch chuyển giảm nhẹ khi đồng bạc xanh suy yếu, với chỉ số DXY đóng cửa tại mức 98.9 (-0.30% WoW) vào phiên thứ Sáu.

Trên thị trường quốc tế, đồng USD có xu hướng giảm khi tâm lý thị trường được nâng đỡ bởi những triển vọng tới một giải pháp ngoại giao tại Trung Đông. Khẩu vị rủi ro của các nhà đầu tư phục hồi sau các báo cáo cho thấy Hoa Kỳ và Iran đã đồng ý một bản ghi nhớ nhằm gia hạn lệnh ngừng bắn thêm 60 ngày để tạo điều kiện cho các cuộc đàm phán hòa bình sâu rộng hơn. Tuy nhiên, đà giảm của đồng USD phần nào được kim hãm bởi dữ liệu lạm phát nội địa của Mỹ vẫn ở mức cao. Chỉ số giá PCE tháng 4 mới nhất cho thấy lạm phát toàn phần tăng tốc lên 3.8% so với cùng kỳ và PCE lõi tăng lên 3.3% so với cùng kỳ, cả hai đều cao hơn nhiều so với mục tiêu của Fed. Chi phí năng lượng ở mức cao tiếp tục kích hoạt các mối lo ngại lạm phát trên diện rộng, củng cố kỳ vọng về lập trường chính sách giữ lãi suất cao kéo dài của Fed bất chấp tăng trưởng GDP thực tế quý 1 năm 2026 của Mỹ bị điều chỉnh giảm.

Tại thị trường trong nước, tỷ giá USDVND liên ngân hàng giảm 0.16% (tương đương 43 điểm) xuống còn 26,313, bám sát xu hướng suy yếu chung của đồng USD toàn cầu. Bên cạnh đó, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục kéo dài chuỗi bán ròng với giá trị rút vốn mở rộng đáng kể lên mức 4.92 nghìn tỷ đồng (chiếm 4.8% tổng giá trị giao dịch) trên sàn HoSE.

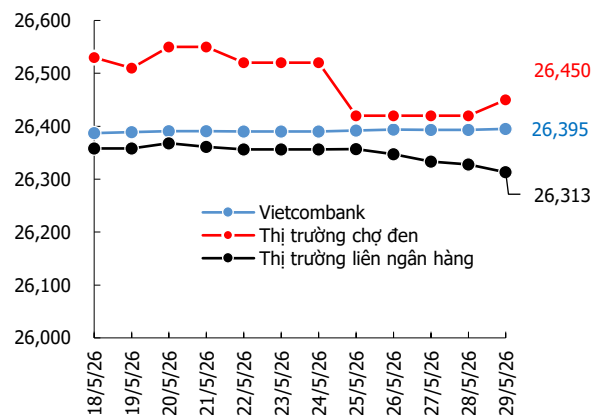
Về phương diện tỷ giá, giá bán USDVND tại Vietcombank nhích nhẹ 0.02% (tương đương 5 điểm), trong khi tỷ giá trên thị trường tự do giảm 0.26% (tương đương 70 điểm). Tính đến thứ Sáu, giá bán ra đứng ở mức 26,395 VND tại Vietcombank và 26,450 VND trên thị trường tự do.

Hình 22: Diễn biến của USDVND theo tuần



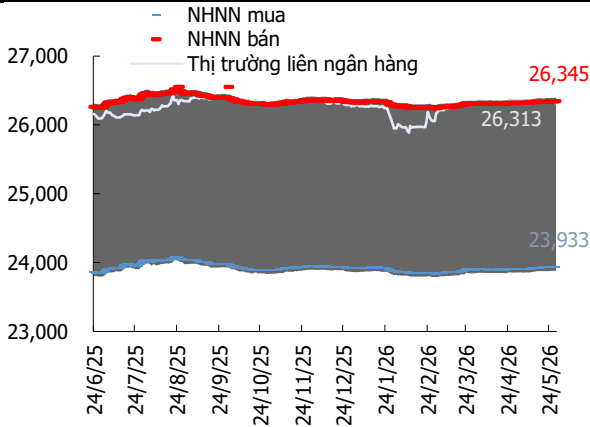
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 23: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



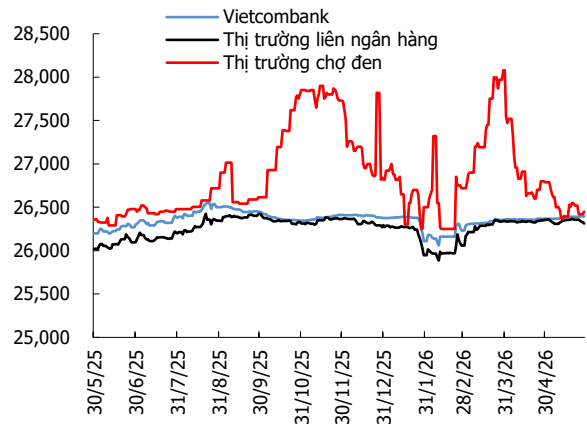
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

**Hình 24: Diễn biến giao dịch của NHNN**



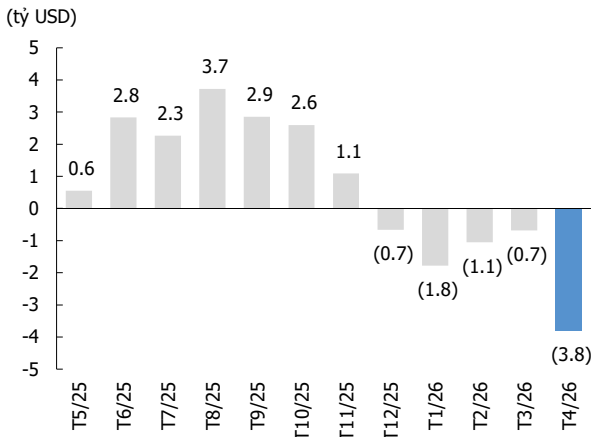
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 25: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng**



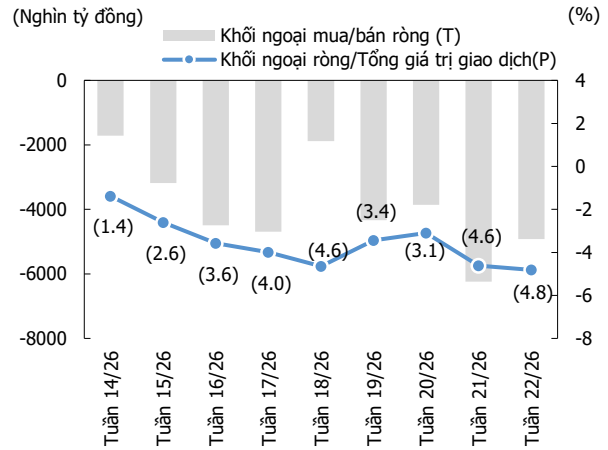
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

**Hình 26: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng**



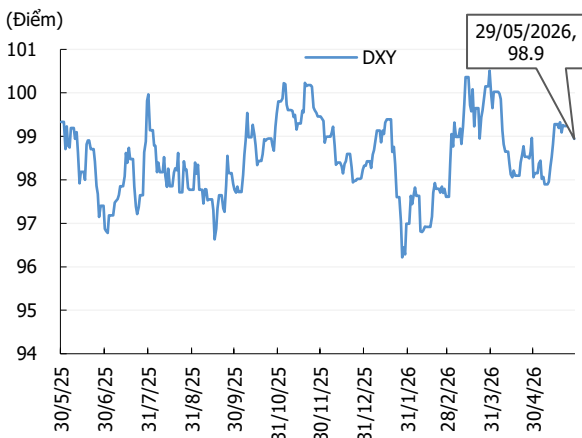
Nguồn: GSO, KIS  
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 06/04/2026

**Hình 27: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần**



Nguồn: Fiinpro, KIS

**Hình 28: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng**



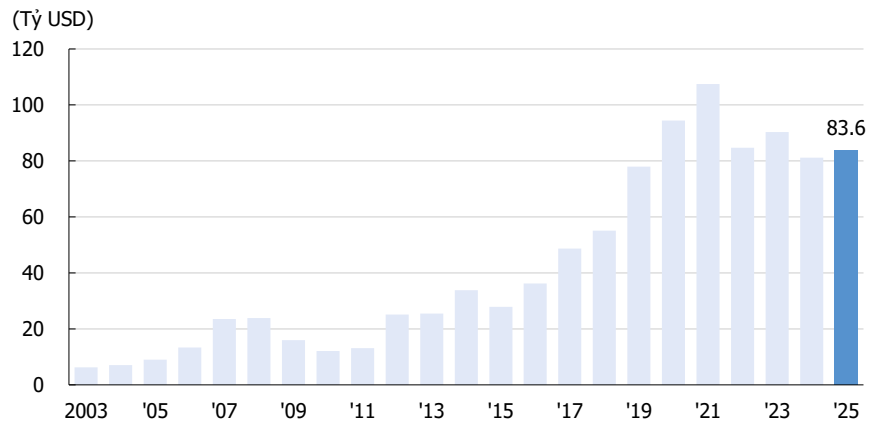
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 29: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật**

		20W26	21W26	22W26	2026 YTD
Trung Quốc	USDCNY	0.18	-0.24	-0.44	-3.17
EU	USDEUR	1.39	0.19	-0.48	0.74
Mexico	USDMXN	0.95	0.00	0.10	-16.42
Việt Nam	USDVND	0.16	0.02	-0.16	0.15
Canada	USDCNY	0.53	0.49	-0.18	-4.39
Thượng Hải	USDTWD	0.41	0.03	-0.61	-4.64
Nhật Bản	USDJPY	1.31	0.28	0.06	1.80
Hàn Quốc	USDKRW	2.46	1.30	-0.90	4.46
Thái Lan	USDTHB	1.37	0.09	-0.42	3.29
DXY	Chỉ số đồng USD	1.41	-0.05	-0.30	0.63

Nguồn: SBV, Bloomberg  
 Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

**Hình 30. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam**



Nguồn: IMF, Bloomberg, KIS

## Thống kê vĩ mô

	T12-25	T1-26	T2-26	T3-26	T4-26	2Q25	3Q25	4Q25	1Q26	2022	2023	2024	2025
Tăng GDP thực (%)						8.16	8.25	8.46	7.83	8.54	4.98	7.04	8.02
FDI đăng ký (USD bn)	4.73	2.56	3.45	9.17	3.04	10.54	7.02	9.88	15.20	27.72	36.61	38.23	38.42
GDP bình quân (USD)										4,110	4,285	4,700	5,026
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.22	2.21	2.22	2.21	2.32	2.26	2.24	2.22
Xuất khẩu (tỷ USD)	44.03	43.19	33.06	46.44	45.52	110.62	118.38	126.3	122.93	371.85	355.5	405.5	475.0
Nhập khẩu (tỷ USD)	44.69	44.97	34.10	47.11	48.80	118.83	120.19	123.1	126.57	360.65	327.5	380.8	455.01
Tăng trưởng XK (%)	23.81	29.67	5.74	20.11	20.95	10.62	18.38	19.96	19.08	10.61	-4.4	14.3	17.00
Tăng trưởng NK (%)	27.69	49.22	4.40	27.83	32.53	18.83	20.19	21.28	27.00	8.35	-8.9	16.7	19.40
Lạm phát (%)	3.48	2.53	3.35	4.65	5.46	3.31	3.27	3.44	3.51	3.15	3.25	3.63	3.31
USD/VND	26,225	25,950	26,030	26,342	26,353	26,121	26,427	26,296	26,342	23,650	23,784	25,386	26,296
Tăng trưởng tín dụng (%)	19.07	20.49	20.18	15.88	#NA	19.22	20.10	19.07	15.88	14.2	13.7	13.8	17.87
TPCP 10 năm (%)	4.19	4.18	4.25	4.36	4.37	3.34	3.76	4.19	4.36	5.08	2.39	2.94	4.19

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

#### **VIET NAM**

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)  
KIS Vietnam Securities Corporation  
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.  
Fax: 8428 3821-6898

#### **SOUTH KOREA**

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)  
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)  
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea  
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320  
Fax: 822 3276 5681~3  
Telex: K2296

#### **NEW YORK**

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)  
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)  
Korea Investment & Securities America, Inc.  
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110  
New York, NY 10019  
Fax: 1 212 314 0699

#### **HONG KONG**

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)  
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.  
Suite 2220, Jardine House  
1 Connaught Place, Central, Hong Kong  
Fax: 852-2530-1516

#### **SINGAPORE**

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)  
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)  
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd  
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place  
Singapore 048616  
Fax: 65 6501 5617

#### **LONDON**

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)  
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.  
2nd Floor, 35-39 Moorgate  
London EC2R 6AR  
Fax: 44-207-236-4811

---

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.